

Số: 05/TB-TCKH

Hạ Long, ngày 09 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Thành phố năm 2024

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định 3193/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của UBND thành phố Hạ Long về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách Thành phố; Quyết định 8528/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách Thành phố; Quyết định 10590/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố năm 2024 do cắt giảm, tiết kiệm chi 5% chi thường xuyên theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 11384/QĐ-UBND ngày 10/9/2024 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh dự toán ngân sách Thành phố năm 2024;

Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Thành phố năm 2024 (chi tiết theo biểu số liệu và thuyết minh đính kèm).

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên Trang công tin điện tử của UBND Thành phố Hạ Long.

Phòng Tài chính - Kế hoạch Thông báo để các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường được biết./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính QN;
- TT: TU, HĐND, UBND TP;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- UBND các phường;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Hữu Nghĩa



Hạ Long, ngày 09 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 05/TB-TCKH ngày 09/01/2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

1. Về thu ngân sách (biểu số 94/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tổng thu ngân sách Thành phố hết 31/12/2024 đạt 18.135,6 tỷ đồng, bằng 88,6% dự toán Tỉnh giao và 88,3% KH Thành phố, bằng 94,3% so với cùng kỳ. Trong đó:

1.1. Thu nội địa (Thu cân đối ngân sách Thành phố)

Thu nội địa hết 31/12/2024 đạt 15.355,2 tỷ đồng, bằng 80,3% dự toán Tỉnh giao và 80,0% KH Thành phố, bằng 93,5% so với cùng kỳ.

Trong đó:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 3.938,3 tỷ đồng, bằng 80,1% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 69,1% so với cùng kỳ.
- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 987,4 tỷ đồng, bằng 107,8% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 108,4% so với cùng kỳ.
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 3.059,9 tỷ đồng, bằng 109,3% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 117,3% so với cùng kỳ.
- Thuế thu nhập cá nhân đạt 842,5 tỷ đồng, bằng 123,4% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 84,5% so với cùng kỳ.
- Thuế bảo vệ môi trường đạt 1.060,8 tỷ đồng, bằng 102,6% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 107,7% so với cùng kỳ.
- Lệ phí trước bạ đạt 382,4 tỷ đồng, bằng 120,6% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 119,2% so với cùng kỳ.
- Thu phí, lệ phí đạt 1.603,5 tỷ đồng, bằng 125,4% dự toán Tỉnh và 117,5% KHTP, bằng 115,0% so với cùng kỳ.

Trong đó: Thu phí tham quan Vịnh Hạ Long thu nộp ngân sách (phần 89% tổng thu phí tham quan vịnh Hạ Long) là 850,1 tỷ đồng, bằng 170,0% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 121,2% so với cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất 822,6 tỷ đồng, bằng 17,6% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 56,3% so với cùng kỳ.

- Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước 1.135,6 tỷ đồng, bằng 68,9% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 109,3% so với cùng kỳ.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 69,0 tỷ đồng, bằng 113,1% dự toán tỉnh giao và KHTP, bằng 117,9% so với cùng kỳ.

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 55,5 tỷ đồng, bằng 115,6% dự toán tỉnh giao và KHTP, bằng 114,0% so với cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách đạt 965,0 tỷ đồng, bằng 168,0% dự toán tỉnh giao và KHTP, bằng 156,3% so với cùng kỳ.

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 326,1 tỷ đồng, bằng 230,2% dự toán tỉnh giao và KHTP, bằng 124,5% so với cùng kỳ.

- Thu cổ tức đạt 99,4 tỷ đồng, bằng 710,1% dự toán tỉnh giao và KHTP.

1.2. Thu chuyển nguồn: 2.146,0 tỷ đồng.

1.3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 497,5 tỷ đồng.

1.4. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 1,9 tỷ đồng.

2. Chi ngân sách (biểu số 95/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tổng chi ngân sách Thành phố 31/12/2024 đạt 3.328,6 tỷ đồng, bằng 81,3% dự toán Tỉnh giao, bằng 80,5% KHTP, bằng 101,7% so với cùng kỳ. Trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển thực hiện 1.463,0 tỷ đồng, bằng 79,4% kế hoạch Tỉnh giao, bằng 75,3% kế hoạch thành phố giao, bằng 100,5% so với cùng kỳ.

2.2. Chi thường xuyên thực hiện 1.525,3 tỷ đồng, bằng 80,9% dự toán Tỉnh và 86,4% KHTP, bằng 125,8% so với cùng kỳ.

2.3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Tỉnh: 338,7 tỷ đồng.

Trên đây là khái quát tình hình thực hiện dự toán ngân sách Thành phố quý I năm 2024, phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố trân trọng thông báo.

Trên đây là khái quát tình hình thực hiện dự toán ngân sách Thành phố năm 2024, phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố trân trọng thông báo./.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 05/TB-TCKH ngày 09/01/2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH NĂM 2024	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ NĂM 2024	LUỸ KẾ THỰC HIỆN NĂM 2024	So sánh thực hiện với		
					KH Tỉnh	DT TP	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	6=5/1	7=5/2	9=5/CK
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	5.003.091	5.090.091	5.946.337	118,9	116,8	105,6
I	Thu cân đối NSNN	3.661.922	3.748.922	3.167.281	86,5	84,5	106,9
1	Thu nội địa	3.661.922	3.748.922	3.167.281	86,5	84,5	106,9
2	Thu viện trợ	0	0	0	0,0	0,0	0,0
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.199.499	1.199.499	497.496	41,5	41,5	70,7
III	Thu chuyển nguồn	0	0	2.145.999	0,0	0,0	111,2
IV	Thu quản lý qua ngân sách	0	0	110.800	0,0	0,0	7.003,8
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0	645	0,0	0,0	10,7
VI	Thu kết dư ngân sách	141.670	141.670	24.115			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	4.094.414	4.135.461	3.328.557	81,3	80,5	101,7
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	3.803.592	3.844.639	2.988.380	78,6	77,7	112,0
1	Chi đầu tư phát triển	1.841.500	1.942.237	1.463.034	79,4	75,3	100,5
2	Chi thường xuyên	1.886.020	1.766.334	1.525.346	80,9	86,4	125,8
3	Chi ủy thác cho ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh cho vay giải quyết việc làm	0	0	0	0,0	0,0	0,0
4	Dự phòng ngân sách	76.072	136.067	0	0,0	0,0	0,0
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Tỉnh	290.822	290.822	338.717	116,5	116,5	56,0
III	Chi nộp ngân sách cấp trên	0	0	1.460	0,0	0,0	330,2
IV	Chi tạm ứng	0	0	0	0,0	0,0	0,0
V	Chi quản lý qua ngân sách		0				
VI	Dự nguồn cải cách tiền lương		0				

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 05/TB-TCKH ngày 09/01/2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2024	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ NĂM 2024	LUỸ KẾ THỰC HIỆN NĂM 2024	So sánh thực hiện với (%)		
					DT Tỉnh	DT TP	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/CK
A	TỔNG THU NSTP (I+II)	20.458.769	20.545.769	18.135.583	88,6	88,3	94,3
I	Thu nội địa*	19.117.600	19.204.600	15.355.228	80,3	80,0	93,5
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	4.914.840	4.914.840	3.938.297	80,1	80,1	69,1
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	915.850	915.850	987.391	107,8	107,8	108,4
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.799.190	2.799.190	3.059.944	109,3	109,3	117,3
4	Thuế thu nhập cá nhân	682.910	682.910	842.489	123,4	123,4	84,5
5	Thuế bảo vệ môi trường	1.033.460	1.033.460	1.060.793	102,6	102,6	107,7
6	Lệ phí trước bạ	317.000	317.000	382.431	120,6	120,6	119,2
7	Thu phí, lệ phí	1.278.280	1.365.280	1.603.537	125,4	117,5	115,0
	<i>Trong đó: Phí tham quan vịnh Hạ Long</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>850.067</i>	<i>170,0</i>	<i>170,0</i>	<i>121,2</i>
8	Các khoản thu về nhà, đất	6.398.000	6.398.000	2.033.898	31,8	31,8	79,5
-	Thu hoa lợi công sản	2.000	2.000	6.644	332,2	332,2	409,4
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	61.000	61.000	69.003	113,1	113,1	117,9
-	Thu tiền sử dụng đất	4.687.000	4.687.000	822.617	17,6	17,6	56,3
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.648.000	1.648.000	1.135.566	68,9	68,9	109,3
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	0	68	0,0	0,0	2.388,5
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	48.000	48.000	55.511	115,6	115,6	114,0
10	Thu khác ngân sách	574.425	574.425	965.002	168,0	168,0	156,3
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	141.645	141.645	326.107	230,2	230,2	124,5
12	Thu cổ tức	14.000	14.000	99.418	710,1	710,1	650,3
13	Thu cấp quyền khai thác vùng biển			410	0,0	0,0	488,9
II	Thu viện trợ				0,0	0,0	0,0
III	Thu quản lý qua ngân sách	0	0	110.800	0,0	0,0	7.003,8
IV	Thu chuyển nguồn	0	0	2.145.999	0,0	0,0	111,2
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.199.499	1.199.499	497.496	41,5	41,5	70,7
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0	1.945	0,0	0,0	1,3
VII	Thu kết dư ngân sách	0	0	24.115	0,0	0,0	90,3

STT	Nội dung	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2024	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ NĂM 2024	LUỸ KẾ THỰC HIỆN NĂM 2024	So sánh thực hiện với (%)		
					DT Tỉnh	DT TP	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/CK
VIII	Thu cân đối từ nguồn CCTL	141.670	141.670				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	5.003.091	5.090.091	5.922.222	118,4	116,3	105,7
1	Từ các khoản phân chia	2.484.942	2.484.942	1.868.676	75,2	75,2	100,7
2	Các khoản thu NS huyện được hưởng 100%	1.176.980	1.263.980	1.298.605	110,3	102,7	117,3
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.199.499	1.199.499	497.496	41,5	41,5	70,7
4	Thu chuyển nguồn	0	0	2.145.999	0,0	0,0	111,2
5	Thu quản lý qua ngân sách	0	0	110.800	0,0	0,0	7.003,8
6	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0	645	0,0	0,0	10,7
7	Thu kết dư ngân sách	0	0	24.115.274	0,0	0,0	90,3
8	Thu cân đối từ nguồn CCTL	141.670	141.670	0	0,0	0,0	

* Thu nội địa không bao gồm ghi thu - ghi chi vào ngân sách

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 05/TB-TCKH ngày 09/01/2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2024	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ NĂM 2024	LUỸ KẾ THỰC HIỆN NĂM 2024	So sánh thực hiện với		
					KH Tỉnh	DT TP	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/CK
	TỔNG CHI THÀNH PHỐ	4.094.414	4.135.461	3.328.557	81,3	80,5	101,7
A	CHI CÂN ĐỐI NS HUYỆN	3.803.592	3.844.639	2.988.380	78,6	77,7	112,0
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	1.841.500	1.942.237	1.463.034	79,4	75,3	100,5
1	Chi đầu tư XDCB Thành phố	1.841.500	1.441.155	1.038.949	56,4	72,1	87,1
2	Chi đầu tư XDCB nguồn tại phường		496.082	419.085	0,0	84,5	159,9
3	Chi đầu tư phát triển khác		5.000	5.000	0,0	100,0	0,0
II	CHI THƯỜNG XUYỀN	1.886.020	1.766.334	1.525.346	80,9	86,4	125,8
	<i>Trong đó:</i>						
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	765.337	758.221	693.537	90,6	91,5	141,8
2	Chi khoa học và công nghệ		100	0	0,0	0,0	0,0
3	Chi y tế, dân số và gia đình	62.090	57.528	55.561	89,5	96,6	123,7
4	Sự nghiệp văn hóa, thể thao và phát thanh truyền hình	48.185	40.949	56.436	117,1	137,8	145,7
7	Chi bảo vệ môi trường	187.914	181.270	100.042	53,2	55,2	101,0
8	Chi hoạt động kinh tế	255.918	185.203	123.422	48,2	66,6	98,6
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	353.188	338.121	312.983	88,6	92,6	124,3
10	Chi đảm bảo xã hội	113.216	111.227	101.465	89,6	91,2	107,0
11	Chi quốc phòng	45.716	45.644	50.176	109,8	109,9	124,3
12	Chi an ninh	17.902	16.275	5.980	33,4	36,7	42,8
13	Chi khác	36.554	31.796	25.746	70,4	81,0	172,0
II	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	76.072	136.067	0	0,0	0,0	0,0
1	Dự phòng Thành phố	69.577	129.593		0,0	0,0	0,0
2	Dự phòng phường	6.495	6.474		0,0	0,0	0,0
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	290.822	290.822	338.717	116,5	116,5	56,0

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH GIAO NĂM 2024	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ NĂM 2024	LUỸ KẾ THỰC HIỆN NĂM 2024	So sánh thực hiện với		
					KH Tỉnh	DT TP	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/CK
1	Chương trình mục tiêu quốc gia (Kinh phí xây dựng nông thôn mới; Chương trình 135)				0,0	0,0	0,0
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	256.323	256.323	172.024	67,1	67,1	32,6
3	Chi đầu tư phát triển khác				0,0	0,0	0,0
4	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	34.499	34.499	166.693	483,2	483,2	216,2
C	CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH			0	0,0	0,0	0,0
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			1.460	0,0	0,0	330,2
E	CHI TẠM ỨNG				0,0	0,0	0,0
F	DỰ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG						